

# SỬ DỤNG VŨ LỰC TRONG THỰC THI PHÁP LUẬT TRÊN BIỂN TRONG VÙNG BIỂN CHỒNG LẤN THEO LUẬT PHÁP QUỐC TẾ

*Trần Hoàng Yến\**

**Tóm tắt:** *Sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trong vùng biển chồng lấn là một trong những vấn đề gây tranh cãi trong luật quốc tế. Bài viết này sẽ tập trung nghiên cứu các quy định và án lệ mới nhất liên quan đến vấn đề sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển nói chung cũng như vấn đề quyền và nghĩa vụ của các quốc gia trong vùng biển chồng lấn, từ đó rút ra được các giới hạn áp dụng đối với vấn đề sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển trong phạm vi các vùng biển chồng lấn.*

**Từ khóa:** *Vũ lực, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển, vùng biển chồng lấn.*

**Abstract:** *The use of force in law-enforcement operations within overlapping maritime zones is a contested question in international law. This article examines the most recent rules and case law governing the use of force at sea in general, and analyses the rights and obligations of States in overlapping maritime areas. From this, it delineates the limits applicable to the use of force in maritime law-enforcement within overlapping zones.*

**Keywords:** *Use of force; United Nations Convention on the Law of the Sea (UNCLOS); overlapping maritime zones.*

## 1. Dẫn nhập

Nguyên tắc cấm đe dọa hay sử dụng vũ lực là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế được quy định tại Điều 2(4) Hiến chương Liên hợp quốc. Điều 301 Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (Công ước Luật Biển 1982)<sup>1</sup> cũng tái khẳng định việc các quốc gia thành viên, trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng Công ước, tránh đe dọa hay sử dụng vũ lực để xâm phạm toàn vẹn

lãnh thổ hay độc lập chính trị của mọi quốc gia hay bất kỳ hình thức nào khác không phù hợp với các nguyên tắc của pháp luật quốc tế đã được quy định trong Hiến chương Liên hợp quốc. Cùng với 02 trường hợp ngoại lệ được quy định tại Điều 51 Hiến chương Liên hợp quốc, đe dọa hay sử dụng vũ lực cũng được các lực lượng thực thi pháp luật sử dụng trong quá trình triển khai các biện pháp thực thi luật và quy định của quốc gia trên biển. Tuy nhiên, Công ước Luật Biển và các văn kiện pháp lý liên quan không có quy định rõ ràng về các giới hạn của việc sử dụng trong thực thi pháp luật trên biển, đặc biệt ở vùng biển chồng lấn quyền tài phán giữa các quốc gia. Do vậy, trên thực tế, nhiều quốc gia ven biển đã lợi dụng những mập mờ trong khuôn khổ pháp lý để có những giải thích trái ngược nhau phục vụ lợi ích quốc gia mình, đặc biệt

\* TS., Học viện Ngoại Giao.

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài: “Các hạn chế và ngoại lệ của cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982: Quy định, thực tiễn áp dụng và ý nghĩa đối với tranh chấp Biển Đông” cấp Bộ Ngoại giao 2025.

<sup>1</sup> Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, ký tại Vịnh Montego vào ngày 10/12/1982, có hiệu lực ngày 16/11/1994 (1982) 1833 UNTS 3.

ở những khu vực tranh chấp như Biển Đông và Biển Hoa Đông.

Thực tiễn cũng đã minh chứng có rất nhiều trường hợp gây tranh cãi khi các quốc gia ven Biển Đông và Biển Hoa Đông đã sử dụng vũ lực và gây thương vong cho tàu thuyền nước ngoài trong quá trình thực thi pháp luật trên biển. Điển hình như ngày 09/5/2013, Cảnh sát biển Philippines đã bắn vào một trong 04 tàu cá Đài Loan được cho là đang đi vào lãnh hải của Philippines, giết chết 01 ngư dân Đài Loan<sup>2</sup>. Sau vụ việc này, ngày 07/8/2014, Philippines đã phải gửi lời xin lỗi chính thức đối với gia đình ngư dân Đài Loan và ngày 18/3/2014, 08 nhân viên của Cảnh sát biển Philippines đã bị kết án ngộ sát<sup>3</sup>. Tháng 6/2020, Malaysia cũng từng bắn chết thuyền viên người Indonesia khi trấn áp tàu Indonesia với cáo buộc buôn lậu<sup>4</sup>. Hay như vụ việc năm 2014, một ngư dân Trung Quốc đã thiệt mạng trong chiến dịch chống đánh bắt trái phép của Cảnh sát biển Hàn Quốc<sup>5</sup>.

<sup>2</sup> Lawrence Chung, *Philippines admits coastguard fired at Taiwanese fishing boat*, South China Morning Post, 10/5/2013, <http://www.scmp.com/news/china/article/1234433/taiwan-demands-philippines-probe-fishermans-death>, truy cập ngày 18/8/2023; Agence France-Presse, *Philippines admits to shooting at Taiwan boat*, Inquirer, 10/5/2013, <http://globalnation.inquirer.net/74107/philippine-coast-guard-admits-shooting-at-taiwan-boat#ixzz54LpySTUS>, truy cập ngày 18/8/2023.

<sup>3</sup> Edu Punay, *Homicide charges set vs 8 Coast Guard*, 19/3/2014, <http://www.philstar.com/headlines/2014/03/19/1302535/homicide-charges-set-vs-8-coast-guard-men>, truy cập ngày 18/8/2023.

<sup>4</sup> Fadil, *Three Indonesians tried to smuggle magpies out of Malaysia, one shot dead*, 25/8/2020, <https://www.thejakartapost.com/news/2020/08/25/three-indonesians-tried-to-smuggle-magpies-out-of-malaysia-one-shot-dead.html>, truy cập ngày 18/8/2023.

<sup>5</sup> *Chinese fisherman killed during S Korean coastguard raid*, 10/10/2014, <https://www.bbc.com/news/world-asia-29564204>, truy cập ngày 18/8/2023.

Trong bối cảnh đó, bài viết sẽ nghiên cứu các khía cạnh pháp lý quốc tế của vấn đề sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển trong vùng biển chồng lấn, từ đó rút ra các giới hạn của việc sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển nói chung và trong khu vực biển chồng lấn nói riêng. Theo đó, bài viết này trước hết sẽ phân tích các quy định luật pháp quốc tế và án lệ quốc tế có liên quan về sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển, từ đó rút ra được các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh vấn đề sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển nói chung. Sau đó, bài viết sẽ phân tích các quy tắc và quy định có liên quan của Công ước Luật Biển 1982 về thẩm quyền của quốc gia đối với vùng biển chồng lấn và khả năng áp dụng đối với vấn đề sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển ở các khu vực biển chồng lấn.

## 2. Các nguyên tắc về sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển

Vấn đề sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật không được quy định trực tiếp bởi các quy định của Công ước Luật Biển 1982. Các điều khoản của Công ước cho phép hay ám chỉ cho phép việc áp dụng các biện pháp thực thi pháp luật thông qua các quy định về việc tàu vi phạm có thể bị áp dụng “các biện pháp thực thi pháp luật được cho là cần thiết” (Điều 73 Công ước) hay “các bước cần thiết” (Điều 25 Công ước). Các điều ước quốc tế có liên quan khác chỉ điều chỉnh hành vi sử dụng vũ lực của quốc gia trong thực thi pháp luật đối với từng lĩnh vực cụ thể như nghề cá (Hiệp định về thực thi các điều khoản của Công ước Luật Biển liên quan đến đàn cá lưỡng cư và di cư xa (Hiệp định Nghề cá năm 1995)<sup>6</sup>, an toàn

<sup>6</sup> Hiệp định thực thi các điều khoản của UNCLOS ngày 10/12/1982 liên quan đến việc bảo tồn và quản

hàng hải (Nghị định thư năm 2005 của Công ước về việc chống các hành vi vi phạm an toàn hàng hải 1988)<sup>7</sup>, tội phạm trên biển như buôn bán người (Nghị định thư chống nạn đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không bổ sung cho Công ước Liên hợp quốc về Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000)<sup>8</sup>, buôn lậu (Công ước Liên hợp quốc chống các hành vi buôn lậu các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988 và Hiệp định thực thi Công ước năm 1995)<sup>9</sup>.

Đã có nhiều nỗ lực pháp điển hoá các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh sử dụng vũ lực và vũ khí của lực lượng chấp pháp thể hiện qua các văn bản của Liên hợp quốc như Bộ Quy tắc ứng xử của lực lượng chấp pháp năm 1979<sup>10</sup>, Các nguyên tắc cơ bản về sử dụng vũ lực và vũ khí của lực lượng chấp pháp năm 1990<sup>11</sup>. Các văn kiện này đã đưa ra các nguyên tắc cụ thể cũng như quy trình

sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật nói chung, và có thể hiểu áp dụng cho cả trường hợp thực thi pháp luật trên biển. Tuy nhiên, các văn kiện này không có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý đối với các quốc gia. Do vậy, các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển được khẳng định và cụ thể hoá chủ yếu qua hệ thống án lệ của các cơ quan tài phán quốc tế. Đặc biệt, vụ *M/V Saiga No. 2* được xem là án lệ kinh điển về luật điều chỉnh sử dụng vũ lực trong các hoạt động thực thi pháp luật, theo đó, khẳng định nguyên tắc sử dụng vũ lực cần thiết và hợp lý, lưu ý rằng trong trường hợp vũ lực được sử dụng nhằm mục đích bảo vệ quyền và thực thi pháp luật, mức độ vũ lực được sử dụng không được phép vượt quá mức độ tương thích với các tình huống của vụ việc.

Trên cơ sở nghiên cứu nội dung các văn kiện có giá trị ràng buộc pháp lý và không có giá trị ràng buộc pháp lý cũng như các án lệ quan trọng nhất liên quan, có thể khẳng định 05 nguyên tắc cơ bản được áp dụng điều chỉnh vấn đề sử dụng vũ lực, bao gồm: (i) Nguyên tắc về cơ sở pháp lý; (ii) Nguyên tắc không thể tránh khỏi; (iii) Nguyên tắc hợp lý; (iv) Nguyên tắc cần thiết và (v) Nguyên tắc tương xứng. Ngoài trừ nguyên tắc đầu tiên, 04 nguyên tắc còn lại có mối quan hệ tương hỗ nhau và ranh giới để phân biệt các nguyên tắc này chỉ là tương đối và đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc này cần phải phụ thuộc vào từng tình huống của vụ việc.

### **2.1. Nguyên tắc về cơ sở pháp lý (legality)**

Nguyên tắc về cơ sở pháp lý có nghĩa rằng thẩm quyền thực thi pháp luật trên biển và sử dụng vũ lực cần phải có đủ cơ sở trong luật và quy định của quốc gia (Vụ

lý các đàn cá lưỡng cư và di cư xa, ký kết ngày 4/8/1995, có hiệu lực 11/12/2001.

<sup>7</sup> Nghị định thư năm 2005 của Công ước về việc chống các hành vi vi phạm an toàn hàng hải 1988, IMO Doc. LEG/CONF.15/21, ký ngày 14/10/2005, hiệu lực ngày 28/7/2010, Điều. 8bis, đoạn. 9.

<sup>8</sup> Nghị định thư về phòng chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, phần bổ sung cho Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, UNGA RES 55/25, UN GAOR, UN Doc A/45/49, Phụ lục III.

<sup>9</sup> Hiệp định Chống buôn lậu bằng đường biển, thực hiện Điều 17 Công ước Liên hợp quốc chống các hành vi buôn lậu các chất ma túy và chất hướng thần, thông qua ngày 31/01/1995, có hiệu lực ngày 01/5/2000, 2136 UNTS 81.

<sup>10</sup> Nghị quyết UNGA Res 34/169 về Bộ quy tắc ứng xử của lực lượng chấp pháp năm 1979.

<sup>11</sup> Các nguyên tắc cơ bản về sử dụng vũ lực và vũ khí của lực lượng chấp pháp năm 1990, thông qua tại Hội nghị lần thứ 8 của Liên hợp quốc về ngăn ngừa tội phạm và đối xử với những người phạm tội được tổ chức ở Havana, Cuba (27/8 đến 7/9/1990).

*Fisheries Jurisdiction*)<sup>12</sup> và luật quốc tế (*Vụ Arctic Sunrise*)<sup>13</sup>. Đây là nguyên tắc đầu tiên cần phải xem xét khi đánh giá tính hợp pháp của hoạt động thực thi pháp luật của một quốc gia.

Ở khía cạnh quốc tế, trong vụ *Arctic Sunrise*, Toà trọng tài cho rằng, để đánh giá tính hợp pháp của các biện pháp mà quốc gia ven biển thực hiện để phản ứng đối với các hoạt động biểu tình trong phạm vi vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) của mình, cần thiết phải xem xét liệu các biện pháp thực thi pháp luật có cơ sở theo luật quốc tế hay không, hay cụ thể hơn, xem liệu quốc gia thực thi pháp luật có thể được phép thực thi quyền đối với tàu nước ngoài trong vùng biển của mình hay không? Sau khi xem xét cẩn thận tất cả quyền thực thi pháp luật mà Nga có thể thực hiện trong vụ việc này, Toà trọng tài xem xét một loạt các điều khoản làm cơ sở để một quốc gia ven biển có thẩm quyền thực thi pháp luật, trong đó có sử dụng vũ lực như Điều 110 (quyền khám xét do nghi ngờ cướp biển), Điều 111 (quyền truy đuổi), Điều 73 (thực thi pháp luật liên quan đến tài nguyên sinh vật), Điều 220, 234 (thẩm quyền thực thi liên quan đến bảo vệ môi trường biển) và kết luận tất cả các biện pháp thực thi pháp luật mà Nga thực hiện đối với tàu *Arctic Sunrise* sau khi lên tàu, chặn tàu và bắt tàu bất hợp pháp không có cơ sở theo luật pháp quốc tế<sup>14</sup>.

Ở khía cạnh quốc gia, trong vụ *Fisheries Jurisdiction*, để đánh giá tính hợp pháp của hành vi sử dụng vũ lực của lực

lượng thực thi pháp luật trong mỗi tương quan với hành vi sử dụng vũ lực vi phạm nghĩa vụ tại Điều 2(4) Hiến chương Liên hợp quốc, Toà án Công lý quốc tế - ICJ đã dựa trên tiêu chí là liệu việc sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật nghề cá có được quy định trong luật và quy định của Canada hay không. Trên thực tế, luật của Canada cho phép việc sử dụng vũ lực hợp lý khi các biện pháp thuyết phục ít bạo lực hơn để bắt tàu cá nước ngoài không mang lại kết quả. Trên cơ sở đó, để bác bỏ lập luận của Tây Ban Nha, ICJ đã tuyên bố rằng: “Toà cho rằng, việc sử dụng vũ lực được cho phép trong luật và quy định của Canada được hiểu là thực thi các biện pháp bảo tồn và quản lý...”<sup>15</sup>. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng, các quy định của luật quốc gia cũng cần phải tương thích với luật quốc tế, đặc biệt là các quy định và tiêu chuẩn về nhân quyền như khuyến nghị của Toà trong vụ *M/V Saiga (No. 2)*<sup>16</sup>.

## 2.2. Nguyên tắc không thể tránh khỏi (*unavoidability*)

Nguyên tắc này được quy định tại Hiệp định Nghề cá năm 1995 (Quốc gia điều tra sẽ đảm bảo các điều tra viên tránh việc sử dụng vũ lực ngoại trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn cho các điều tra viên và khi các điều tra viên bị cản trở thi hành nhiệm vụ) hay Nghị định thư năm 2005 của Công ước về việc chống các Hành vi vi phạm an toàn hàng hải năm 1988 (khi thực hiện các hành vi được cho phép theo điều khoản này, việc sử dụng vũ lực sẽ được tránh ngoại trừ trường hợp cần thiết).

<sup>12</sup> *Fisheries Jurisdiction (Spain v Canada)*, *Jurisdiction of the Court, Judgment*, ICJ Reports 1998.

<sup>13</sup> *In the Matter of the Arctic Sunrise Arbitration (The Netherlands v Russia)*, PCA case no. 2014 02 [2015] Arbitral Tribunal, [www.pccases.com/web/sendAttach/1438](http://www.pccases.com/web/sendAttach/1438), truy cập ngày 18/8/2023.

<sup>14</sup> Như trên, đoạn 333.

<sup>15</sup> *Fisheries Jurisdiction (Spain v Canada)*, *Jurisdiction of the Court, Judgment*, ICJ Reports 1998, 432.

<sup>16</sup> *M/V “SAIGA” (No. 2) (Saint Vincent and the Grenadines v. Guinea)*, *Judgment of 1 July 1999*, ITLOS Reports, 1999.

Nguyên tắc này cũng được Toà khẳng định đặc biệt trong vụ *M/V Saiga No. 2* và tái khẳng định trong một loạt các án lệ sau đó.

Theo cách hiểu thông thường, nguyên tắc không thể tránh khỏi được hiểu là, không có lựa chọn nào khác cho tàu thực thi công vụ để ngăn chặn và dừng tàu, do đó việc sử dụng vũ lực là lựa chọn bắt buộc. Giải thích cho nguyên tắc này, các nguyên tắc cơ bản năm 1990 cho rằng, sử dụng vũ lực là “không thể tránh khỏi” khi các biện pháp khác cho thấy không hiệu quả và không có khả năng đạt được kết quả mong đợi<sup>17</sup>. Trong vụ *M/V Saiga No. 2*, Toà giải thích cụ thể hơn thực tiễn thông thường để dừng một con tàu, đó là đưa ra tín hiệu âm thanh hay hình ảnh để cảnh báo con tàu dừng lại, sử dụng các tín hiệu được quốc tế thừa nhận; nếu không thành công, một loạt các hành vi khác có thể được tiến hành tiếp, bao gồm bắn vào mạn tàu. Chỉ sau khi các hành động này không đạt được kết quả mong muốn, tàu truy đuổi có thể sử dụng vũ lực với tư cách là biện pháp cuối cùng<sup>18</sup>.

### 2.3. Nguyên tắc hợp lý (*reasonability*)

Nguyên tắc này được khẳng định trong một loạt các văn bản như Nghị định thư 2005 bổ sung cho Công ước 1988<sup>19</sup>. Nghị định thư về chống nạn buôn người di cư qua đường bộ, đường biển và hàng không bổ sung Công ước 2000<sup>20</sup> và trong hầu hết các án lệ có liên quan. Ở trong các văn kiện này, từ “hợp lý” được sử dụng lặp đi lặp lại rất nhiều lần, yêu cầu sử dụng vũ lực cần phải cân nhắc hợp lý đến các yếu tố tất cả các

lĩnh vực như an toàn mạng sống, môi trường, yếu tố nhân quyền, nhân đạo, an toàn của tàu và hàng hoá cũng như đảm bảo quy trình theo luật nhân quyền, nhân đạo. Điều 225 Công ước Luật Biển cũng yêu cầu các nhân viên thực thi pháp luật “không được gây ra nguy hiểm cho an toàn hàng hải, không được gây ra một rủi ro nào cho một con tàu hay dẫn con tàu đó về một cảng hoặc khu neo nguy hiểm, cũng không gây ra rủi ro quá đáng cho môi trường biển”. Tiêu chí an toàn hàng hải, an toàn của con tàu và môi trường biển phải là các nhân tố được ưu tiên hàng đầu.

Trong vụ *I'm Alone*, tiêu chí sử dụng vũ lực “hợp lý” có thể hiểu rằng, lực lượng cảnh sát biển được quyền sử dụng vũ lực hợp lý cần cho việc lên tàu, lục soát và bắt một tàu tình nghi; nếu việc sử dụng vũ lực đó vô ý gây hậu quả chìm tàu thì việc sử dụng vũ lực đó không bất hợp pháp; nhưng cố ý gây chìm tàu không được coi là “hợp lý”<sup>21</sup>. Trong vụ *M/V Saiga (No. 2)*, cách tiếp cận của Toà về việc sử dụng vũ lực hợp lý cũng phù hợp với cách giải thích ở trên, đó là cần phải đặt an toàn của con tàu và người trên tàu lên trên hết. Trong vụ việc này, Toà kết luận rằng, cảnh sát biển Guinea đã sử dụng vũ lực quá mức (*excessive force*) trước và sau khi lên tàu. Trước khi lên tàu, tàu *Saiga* chất đầy hàng và di chuyển với tốc độ rất chậm, việc chặn dừng tàu và lên tàu không có gì khó khăn, nhưng các nhân viên của Guinea đã bắn đạn thật vào tàu từ tàu tuần tra đang di chuyển nhanh mà không đưa ra tín hiệu hay cảnh báo gì theo thông lệ quốc tế. Sau khi lên tàu, các nhân viên này bắn liên tục vào mạn tàu và sử dụng súng để

<sup>17</sup> Các nguyên tắc cơ bản về sử dụng vũ lực và vũ khí của lực lượng chấp pháp năm 1990, Điều 4.

<sup>18</sup> *M/V Saiga No. 2*, Đoạn 156.

<sup>19</sup> Nghị định thư 2005 bổ sung cho Công ước 1988, Điều 8bis, đoạn 9.

<sup>20</sup> Nghị định thư về chống nạn buôn người di cư qua đường bộ, đường biển và hàng không bổ sung Công ước 2000, Điều 9.

<sup>21</sup> ‘*Claim of the British Ship “I’m Alone” v United States, Joint Interim and Final Reports of the Commissioners, 1933 and 1935*’, 1935 29 *American Journal of International Law* 326.

bắn dừng động cơ tàu, trong khi đó, tàu Saiga không hề phản kháng và thủy thủ trên tàu cũng không sử dụng vũ lực. Do vậy, Toà kết luận, Guinea đã sử dụng vũ lực quá mức và không hợp lý đối với tàu Saiga.

#### 2.4. Nguyên tắc cần thiết (*necessity*)

Nguyên tắc này được quy định trực tiếp ở một loạt các điều khoản về thẩm quyền thực thi pháp luật của Công ước Luật Biển như Điều 25 (lãnh hải), Điều 33 (tiếp giáp lãnh hải), Điều 73 (đặc quyền kinh tế)..., mặc dù không phải là tiêu chí trực tiếp cho vấn đề sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển. Nguyên tắc này được nhắc cụ thể và trực tiếp trong hầu hết các văn kiện pháp lý ràng buộc và không ràng buộc cũng như các án lệ có liên quan.

Vụ *Virginia G* là vụ việc duy nhất cho tới nay một toà quốc tế phân tích Điều 73, tuy nhiên, Toà Luật biển quốc tế - ITLOS cũng không đưa ra các tiêu chí cụ thể giải thích sự “cần thiết” mà chỉ so sánh mức độ của hành vi được cho là vi phạm với mức độ biện pháp thực hiện và yêu cầu biện pháp thực thi pháp luật phải “hợp lý” (*reasonable*). Trong ý kiến riêng đối với vụ này, Thẩm phán Paik cho rằng, ITLOS đáng lẽ ra nên xem xét mức độ mà biện pháp đóng góp vào việc đạt được mục tiêu đề ra và mức độ biện pháp đó vi phạm quyền được bảo vệ của các quốc gia khác. Theo ông, mức độ đóng góp càng lớn và vi phạm càng ít thì khả năng cao biện pháp đó sẽ được coi là cần thiết<sup>22</sup>. Tương tự như vậy, thẩm phán ad hoc Sérvulo Correia cũng cho rằng, nguyên tắc cần thiết có nghĩa là khi đứng trước lựa chọn 2 biện pháp đều thích

hợp và hiệu quả cho việc đạt được mục tiêu đề ra, nên lựa chọn biện pháp nào xâm phạm ít hơn đối với lợi ích, dù là phụ thôi nhưng cũng cần được bảo vệ<sup>23</sup>.

Trong vụ *Red Crusader*<sup>24</sup>, Ủy ban Điều tra kết luận rằng, Hải quân Đan Mạch đã không thử các biện pháp khác để thuyết phục tàu Red Crusader dừng tàu trước khi bắn vào tàu, do vậy đã vượt quá mức độ sử dụng vũ lực hợp pháp. Trong vụ *M/V Saiga (No. 2)*, ITLOS cho rằng, tàu truy đuổi chỉ có thể sử dụng vũ lực với tư cách là biện pháp cuối cùng khi trước đó thực hiện các biện pháp thích hợp như đưa tín hiệu âm thanh và hình ảnh để cảnh báo con tàu mà không mang lại kết quả. Như vậy, sự cần thiết của hành vi vũ trang trong khi truy đuổi là yếu tố thiết yếu để xác định tính hợp pháp của việc sử dụng vũ lực trên biển.

Tóm lại, có thể hiểu, nguyên tắc cần thiết yêu cầu rằng trong số rất nhiều biện pháp đều có thể đạt được mục tiêu đề ra, biện pháp nào có khả năng gây ra thương vong ít nhất cho con người phải được áp dụng<sup>25</sup>. Khi sử dụng vũ lực, các vũ khí có khả năng tạo ra thương vong ít nhất sẽ được sử dụng trước tiên trước khi chuyển sang các vũ khí có khả năng gây thương vong nghiêm trọng hơn.

<sup>23</sup> Như trên, tr. 379. (Dissenting opinion by Sérvulo Correia, Ad hoc J.).

<sup>24</sup> *Investigation of certain incidents affecting the British trawler Red Crusader: Report of 23 March 1962 of the Commission of Enquiry established by the Government of the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland and the Government of the Kingdom of Denmark on 15 November 1961, 1962 35 Reports of International Arbitral Awards 521.*

<sup>25</sup> B. Xu & Y.C. Chang, *The new development of ocean governance mechanism in Taiwan and its references for China*, Ocean Coast. Manag. 136 (2017) 56-72.

<sup>22</sup> *M/V Virginia G*, ITLOS Rep., 2014, tr 205 (Ý kiến riêng của thẩm phán Paik, J.).

### 2.5. Nguyên tắc tương xứng (proportionality)

Nguyên tắc tương xứng đề ra mức độ vũ lực tối đa có thể được sử dụng để đạt được mục tiêu hợp pháp cụ thể, do đó, nguyên tắc này xác định thời điểm nào việc gia tăng sử dụng vũ lực để đạt được mục tiêu phải dừng lại<sup>26</sup>.

Nguyên tắc tương xứng được quy định cụ thể tại Điều 221 Công ước Luật Biển 1982, theo đó, quốc gia ven biển có quyền thực hiện và thực thi các biện pháp bên ngoài vùng lãnh hải *tương xứng* (proportionate) với thiệt hại thực sự và tiềm tàng do ô nhiễm môi trường biển từ một sự cố hàng hải gây ra nhằm mục tiêu bảo vệ bờ biển và các lợi ích liên quan, bao gồm cả nghề cá, trong đó bao gồm cả biện pháp sử dụng vũ lực trong vùng EEZ. Nguyên tắc này cũng được khẳng định trong Bộ Quy tắc ứng xử năm 1979 và Các nguyên tắc cơ bản năm 1990, theo đó, lực lượng thực thi pháp luật cần phải hạn chế việc sử dụng súng và vũ lực; phải hành động *tương xứng* với tính chất nghiêm trọng của tội phạm và mục tiêu hợp pháp cần đạt được. Điều 22 Hiệp định nghề cá cũng yêu cầu việc sử dụng vũ lực không được vượt quá mức độ yêu cầu hợp lý của hoàn cảnh.

Cho đến nay, chưa có án lệ hay cơ quan tài phán quốc tế nào giải thích thêm thế nào là “tương xứng”. Tuy nhiên, các Tòa đều đưa ra các tiêu chí để đánh giá thế nào là sử dụng vũ lực quá mức. Trong vụ *I’m Alone*, Ủy ban cho rằng, mặc dù sử dụng vũ lực được chấp nhận trong việc truy đuổi, nhưng cố tình đâm chìm tàu làm đe dọa mạng sống của các thủy thủ là không thể biện minh, do tàu không có dấu hiệu phản kháng hay sử dụng vũ lực. Trong vụ *Red Crusader*, Ủy

ban điều tra cũng cho rằng, mặc dù tàu *Red Crusader* không tuân thủ mệnh lệnh của Cảnh sát biển Đan Mạch, cố gắng chạy trốn, thì việc bắn súng vào tàu là bất hợp pháp do không cần thiết và vượt quá mức độ sử dụng vũ lực hợp pháp. Về giải thích nguyên tắc tương xứng, Tài liệu hướng dẫn thực hiện Các nguyên tắc cơ bản năm 2015 của Amnesty cho rằng, để đánh giá tiêu chí tương xứng trong sử dụng vũ lực, cần phải đặt ra câu hỏi liệu có sự cân bằng giữa lợi ích của việc sử dụng vũ lực và các hậu quả, thiệt hại có thể xảy ra do việc sử dụng vũ lực đó<sup>27</sup>. Thật vậy, khi sử dụng vũ lực, nếu thương vong gây ra lớn hơn lợi ích mang lại, biện pháp đó không nên được thực hiện. Mục đích của việc sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển là ngăn không cho tội phạm tiếp tục hành vi vi phạm hay cố gắng bỏ trốn. Trong trường hợp sử dụng vũ lực là cực kỳ cần thiết, mức độ vi phạm cần phải được so sánh với giá trị mạng sống con người.

### 3. Sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trong vùng biển chồng lấn

Ngoài các nguyên tắc điều chỉnh vấn đề sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển nói chung, việc sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trong vùng biển chồng lấn chịu sự điều chỉnh thêm của các quy tắc và quy định liên quan đến thẩm quyền của quốc gia đối với vùng biển chồng lấn. Thuật ngữ “vùng biển chồng lấn” được sử dụng để chỉ khu vực biển tạo bởi yêu sách vùng EEZ và thêm lục địa của các nước trên cơ sở thực tế khách quan và các quy định có liên quan về phạm vi các vùng biển của Công ước Luật Biển 1982. Trên cơ sở đó, nội dung

<sup>26</sup> Report of the Special Rapporteur on extrajudicial executions, UN Doc. A/HRC/26/36 (2014), đoạn 66.

<sup>27</sup> Hiệp định thực thi các điều khoản của UNCLOS ngày 10/12/1982 liên quan đến việc bảo tồn và quản lý các đàn cá lưỡng cư và di cư xa, ký kết ngày 4/8/1995, có hiệu lực 11/12/2001.

này sẽ tập trung nghiên cứu các quy định của Công ước Luật Biển 1982 và án lệ có liên quan để rút ra các nguyên tắc điều chỉnh vấn đề sử dụng vũ lực trong vùng biển có chồng lấn.

### 3.1. Nghĩa vụ của các quốc gia trong vùng biển chồng lấn

Đối với vùng biển chồng lấn, Điều 74(3) và 83(3) Công ước Luật Biển 1982 quy định các quốc gia có nghĩa vụ nỗ lực hết sức để ký kết dàn xếp tạm thời có tính thực tiễn “trên tinh thần hiểu biết và hợp tác” và nỗ lực hết sức để không gây phương hại hoặc cản trở việc đạt được thoả thuận phân định cuối cùng.

Về nghĩa vụ nỗ lực hết sức để ký kết dàn xếp tạm thời có tính thực tiễn “trên tinh thần hiểu biết và hợp tác”, mục đích quy định về nghĩa vụ này là nhằm thúc đẩy việc sử dụng một cách có hiệu quả tài nguyên biển một cách công bằng trên cơ sở luật pháp quốc tế mà không gây phương hại đến kết quả phân định cuối cùng<sup>28</sup>. Về bản chất, Toà trọng tài Phụ lục VII Công ước Luật Biển 1982 trong vụ *Guyana v Suriname* và ITLOS trong vụ *Ghana v Cote d'Ivoire*<sup>29</sup> cho rằng cụm từ “nỗ lực hết sức” cho thấy đây là nghĩa vụ đàm phán thiện chí nhằm mục đích đạt được thoả thuận cuối cùng (*pactum de negotiando*), không bắt buộc các bên phải ký kết thoả thuận tạm thời (*pactum de contrahendo*). Tuy nhiên, đàm phán một cách có thiện chí là đàm phán thực chất với mục đích đạt được thoả thuận chứ không chỉ mang tính hình thức<sup>30</sup>, các bên cần sẵn sàng

đưa ra các nhượng bộ cần thiết với cách tiếp cận hoà giải nhằm đạt được dàn xếp về việc sử dụng tạm thời tài nguyên. Nghĩa vụ này có tính chất hai chiều theo nghĩa rằng, cả 2 bên cần phải có thiện chí thực hiện nghĩa vụ này mới có quyền viện dẫn nghĩa vụ trong quan hệ giữa hai bên. Trong vụ *Ghana v Cote d'Ivoire*, ITLOS kết luận, Cote d'Ivoire không có quyền viện dẫn nghĩa vụ này với Ghana vì bản thân Cote D'Ivoire đã không chủ động đưa ra đề xuất đàm phán về dàn xếp tạm thời (mà chỉ yêu cầu Ghana chấm dứt việc tiếp tục hoạt động dầu khí đã diễn ra nhiều năm), tức là Cote d'Ivoire đã không “thiện chí” thực hiện nghĩa vụ đàm phán dàn xếp tạm thời theo Điều 74(3) và 83(3). Về loại hình dàn xếp, thực tiễn cho thấy các bên có thể thoả thuận với nhau hợp tác trong bất kỳ lĩnh vực nào liên quan đến vùng chồng lấn, bao gồm cả hợp tác trong thực thi pháp luật có điều chỉnh vấn đề sử dụng vũ lực. Một ví dụ điển hình của thoả thuận như vậy là thoả thuận không chính thức giữa Mỹ và Canada về căn cứ vào thẩm quyền của quốc gia tàu mang cờ để thực thi pháp luật trong vùng biển tranh chấp xung quanh đá Machias Seal và North Rock vào những năm 1970<sup>31</sup>.

Về nghĩa vụ thứ hai, nghĩa vụ yêu cầu các bên trên tinh thần hiểu biết và hợp tác phải nỗ lực hết sức để không gây phương hại hay cản trở việc đi đến một thoả thuận phân định cuối cùng về vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Mục đích của nghĩa vụ này là nhằm đặt ra giới hạn cho các hoạt động đơn phương của các quốc gia liên quan tại khu vực vùng chồng lấn vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; theo đó, điều

<sup>28</sup> In the Matter of an Arbitration between Guyana v Suriname [2007] Arbitral Tribunal, [www.pca-cpa.org/Guyana-Suriname%20Award70f6.pdf?fil\\_id=664](http://www.pca-cpa.org/Guyana-Suriname%20Award70f6.pdf?fil_id=664), đoạn 153-4, truy cập ngày 18/8/2023.

<sup>29</sup> *Tranh chấp liên quan đến Phân định Ranh giới biển giữa Ghana và Côte D'Ivoire ở Đại Tây Dương (Ghana/Côte D'Ivoire)*, Phán quyết ngày 23/9/2017.

<sup>30</sup> Guyana/Suriname 2007, đoạn 461.

<sup>31</sup> Ted L. McDorman, *Canada-United States Maritime Boundaries*, in Ted L. McDorman, *Salt Water Neighbors: International Ocean Law Relations Between the United States and Canada* (2009) 116, 195.

khoản này không cấm các hoạt động đơn phương tại khu vực chồng lấn mà chỉ cấm các hoạt động đơn phương có thể gây cản trở việc đạt được thoả thuận phân định cuối cùng. Như vậy, vấn đề then chốt đối với nghĩa vụ này là xác định hành động đơn phương bị cấm hay không bị cấm (vì gây hay không gây phương hại, cản trở việc đạt được thoả thuận phân định cuối cùng).

Trong vụ *Guyana v Suriname*, Toà trọng tài đã phân biệt hoạt động được phép đơn phương tiến hành và hoạt động không được đơn phương tiến hành trên cơ sở đánh giá tác động vật lý lâu dài của hoạt động này đối với môi trường biển và đáy biển. Theo đó, Toà cho rằng, hoạt động không được đơn phương tiến hành là hoạt động gây ra tác động vật lý lâu dài đối với môi trường biển hoặc đáy biển, chẳng hạn như một số hoạt động khoan thăm dò tại khu vực tranh chấp vì có thể làm thay đổi nguyên trạng (*status quo*) đáy biển. Toà khẳng định hoạt động khảo sát địa chấn (seismic testing) không được xem là vi phạm Điều 74(3) và 83(3) vì không làm biến đổi vật lý lâu dài đối với đáy biển hoặc môi trường biển.

Trong Phán quyết tạm thời ở vụ *Ghana v Cote d'Ivoire*, dù ITLOS xác nhận hoạt động khoan có thể gây tác động vật lý lâu dài đối với môi trường biển, nhưng chỉ yêu cầu Ghana không tiến hành các hoạt động khoan mới tại khu vực tranh chấp mà không yêu cầu Ghana dừng toàn bộ các hoạt động đã được tiến hành trước đó vì Toà cho rằng việc dừng các hoạt động dầu khí này sẽ gây ra những tổn thất tài chính vô cùng lớn đối với Ghana và đối với các nhà thầu, đồng thời gây nguy hại nghiêm trọng đối với môi trường biển<sup>32</sup>. Trong Phán quyết cuối cùng,

<sup>32</sup> *Phân định ranh giới biển ở Đại Tây Dương (Ghana/Côte d'Ivoire)*, Các biện pháp tạm thời, Lệnh ngày 25/4/2015, Báo cáo của ITLOS năm 2015.

Toà giải thích thêm rằng, nghĩa vụ nỗ lực hết sức để không gây phương hại hoặc cản trở việc đạt được thoả thuận cuối cùng là nghĩa vụ mang tính hành vi, không phải nghĩa vụ mang tính kết quả. Ngoài ra, do Ghana đã tuân thủ yêu cầu về biện pháp tạm thời của Toà, không tiến hành các hoạt động khoan mới, các hoạt động khoan trước đó đều được tiến hành tại khu vực được phân định thuộc về Ghana, nên Toà không thể phán quyết rằng “hoạt động đơn phương của Ghana trong vùng biển của Cote d'Ivoire đã vi phạm nghĩa vụ không gây phương hại hay cản trở việc đạt được thoả thuận phân định theo quy định Điều 83(3) theo yêu cầu của Cote d'Ivoire<sup>33</sup>”.

Cả hai kết luận của Toà ở hai vụ việc nêu trên đều gây tranh cãi. Thẩm phán Paik cho rằng, việc Ghana tiến hành hơn 30 hoạt động khoan ở khu vực gần đường trung tuyến tạm thời trong giai đoạn 2010 – 2014 đã vi phạm nghĩa vụ không phương hại hoặc cản trở việc đạt được thoả thuận phân định cuối cùng<sup>34</sup>. Tuy nhiên, ông cũng không đồng tình với cách tiếp cận của Toà trọng tài Phụ lục VII Công ước Luật Biển 1982 trong vụ *Guyana v Suriname* vì cho rằng, không nên áp dụng tiêu chí “tác động vật lý lâu dài” một cách cứng nhắc, thậm chí không nên xác định tiêu chí chung mang tính khái quát về hoạt động “gây phương hại hoặc cản trở” mà nên căn cứ vào bối cảnh cụ thể của tranh chấp để đưa ra kết luận<sup>35</sup>.

<sup>33</sup> *Tranh chấp liên quan đến Phân định Ranh giới biển giữa Ghana và Côte D'Ivoire ở Đại Tây Dương (Ghana/Côte D'Ivoire)*, Phán quyết ngày 23/9/2017.

<sup>34</sup> *Ý kiến độc lập của Thẩm phán Paik*, đoạn 11, [https://www.itlos.org/fileadmin/itlos/documents/case\\_s/case\\_no.23\\_merits/23\\_published\\_texts/C23\\_Judgment\\_20170923\\_SepOp\\_Paik.pdf](https://www.itlos.org/fileadmin/itlos/documents/case_s/case_no.23_merits/23_published_texts/C23_Judgment_20170923_SepOp_Paik.pdf), truy cập ngày 18/8/2023.

<sup>35</sup> Như trên, đoạn 7.

Việc đưa ra tiêu chí “tác động vật lý lâu dài” có thể được sử dụng khi xem xét các hoạt động khai thác tài nguyên trong vùng biển tranh chấp, tuy nhiên, sẽ rất khó sử dụng tiêu chí “tác động vật lý lâu dài” đối với môi trường biển và đáy biển để xác định hành vi vi phạm đối với một số các hoạt động khác có liên quan như thực thi pháp luật. Trong vụ *Guyana v Suriname*, Tòa cho rằng cả hai bên đều vi phạm nghĩa vụ “không gây phương hại hoặc cản trở”, theo đó Guyana đã vi phạm khi cho bên được cấp phép chuẩn bị việc khoan bằng cách đặt giàn khoan ở khu vực tranh chấp, trong khi Suriname cũng vi phạm nghĩa vụ này khi lựa chọn “đe dọa giàn khoan” bằng vũ lực thay vì chấp nhận đề nghị đàm phán phút cuối của Guyana vài ngày trước khi đến địa điểm đóng giàn khoan<sup>36</sup>. Rõ ràng rằng, tiêu chí tác động vật lý lâu dài đối với môi trường biển và đáy biển không thể áp dụng trong trường hợp này để kết luận hành vi vi phạm, và việc Suriname không chấp nhận đề nghị đàm phán phút cuối của Guyana nên là biểu hiện của việc vi phạm nghĩa vụ thứ nhất về nỗ lực hết sức để đàm phán thoả thuận tạm thời mang tính thực tiễn, chứ không phải nghĩa vụ thứ 2 về nỗ lực hết sức để không gây phương hại hay cản trở việc đạt được thoả thuận cuối cùng về phân định.

### **3.2. Nghĩa vụ của quốc gia trong việc sử dụng vũ lực trong vùng biển chồng lấn**

Như đã phân tích ở trên, Điều 74(3) và 83(3) Công ước Luật Biển 1982 khuyến khích các bên đàm phán thiện chí nhằm mục đích ký kết thoả thuận hợp tác trong bất kỳ lĩnh vực nào liên quan đến vùng chồng lấn, bao gồm cả hợp tác trong thực thi pháp luật có điều chỉnh vấn đề sử dụng vũ lực. Thực tiễn đã cho thấy một số trường hợp các quốc

gia ký kết thoả thuận có điều chỉnh vấn đề sử dụng vũ lực trong vùng biển tranh chấp<sup>37</sup>.

Vấn đề then chốt đó là, liệu thực thi pháp luật nói chung và sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật nói riêng trong phạm vi vùng biển chồng lấn có được xem là hoạt động gây phương hại hay cản trở việc đạt được thoả thuận cuối cùng về phân định hay không. Trong Vụ *Guyana v Suriname*, Tòa trọng tài khẳng định, theo luật quốc tế, vũ lực có thể được sử dụng trong các hoạt động thực thi pháp luật, miễn là hành vi sử dụng vũ lực là không thể tránh khỏi, hợp lý và cần thiết. Tuy nhiên, Tòa lại cho rằng, hành vi của Suriname về bản chất giống với đe dọa sử dụng hành vi quân sự hơn là một hoạt động thực thi pháp luật đơn thuần và rằng mệnh lệnh đưa ra cho giàn khoan cấu thành một mối đe dọa công nhiên rằng vũ lực sẽ được sử dụng nếu không tuân thủ mệnh lệnh đó. Do vậy, Tòa đã không phân tích cụ thể các nguyên tắc cụ thể của việc sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển bao gồm không thể tránh khỏi, hợp lý và cần thiết. Tuy nhiên, việc Tòa tái khẳng định lại nguyên tắc “vũ lực có thể được sử dụng trong các hoạt động thực thi pháp luật miễn là hành vi sử dụng vũ lực là không thể tránh khỏi, hợp lý và cần thiết” có thể được hiểu là, Tòa ám chỉ việc sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển trong vùng biển chồng lấn là được phép với điều kiện đáp

<sup>37</sup> *Memorandum of Understanding between the Government of the Republic of Indonesia and the Government of Malaysia in respect of the Common Guidelines concerning Treatment of Fishermen by Maritime Law Enforcement Agencies of Malaysia and the Republic of Indonesia* (ký ngày 27/01/2012) <[www.treaty.kemlu.go.id/uploads-pub/1273\\_MYS-2012-0127.pdf](http://www.treaty.kemlu.go.id/uploads-pub/1273_MYS-2012-0127.pdf)> (18/8/2023); *The Agreement Concerning the Facilitation of Cooperation on Law Enforcement in Fisheries Matters between the Taipei Economic and Cultural Office in the Philippines and the Manila Economic and Cultural Office in Taiwan*, ký ngày 5/11/2015, có hiệu lực từ ngày 5/12/2015.

<sup>36</sup> Vụ *Guyana v. Suriname*, các đoạn 476 và 484.

ứng các nguyên tắc chung như không thể tránh khỏi, hợp lý và cần thiết.

Đồng thời, Toà đã kết luận rằng để đối phó lại với các hành vi đơn phương của Guyana, Suriname chỉ có thể đàm phán ký kết với Guyana dàn xếp tạm thời có tính thực tiễn, hoặc nếu không thành công, có thể viện dẫn cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc theo Phần XV của Công ước Luật Biển 1982. Như vậy, có thể thấy, dường như Toà trọng tài cho rằng, việc thực thi vũ lực trong vùng biển có chồng lấn không được khuyến khích, và các biện pháp mà các bên tiến hành chỉ có thể là các biện pháp được quy định tại Điều 74(3) và 83(3) và nếu không thành công sẽ áp dụng biện pháp giải quyết tranh chấp theo Phần XV Công ước Luật Biển. Kết luận của Toà trọng tài liên quan đến vấn đề này là chưa thấu đáo và đã gặp phải sự phản đối của rất nhiều học giả<sup>38</sup>.

Việc Toà bác bỏ tất cả các hoạt động thực thi pháp luật mang bản chất của việc đe dọa hay sử dụng vũ lực theo nghĩa truyền thống là rất hợp lý, nhưng trong vùng biển tranh chấp, để cân bằng quyền và lợi ích của các bên, thực thi pháp luật nên được phép ở một mức độ nhất định tùy theo yêu cầu của tình hình. Trong vụ việc này, thay vì đi đến ngay kết luận rằng hành vi của Suriname mang bản chất của sử dụng vũ lực truyền thống, lập luận của Toà nên chi tiết và chặt chẽ hơn bằng cách vạch rõ ranh giới giữa sử dụng vũ lực chống lại quốc gia khác và việc sử dụng vũ lực hạn chế trong thực thi pháp luật trên biển, đặc biệt trong trường hợp khẩn cấp cần ngăn chặn hành vi vi phạm quyền của một quốc gia<sup>39</sup>. Hơn nữa, cũng

cần phải phân biệt giữa quyền và nghĩa vụ của quốc gia trước và sau thời điểm một hoạt động đơn phương được thực hiện. Các khuyến nghị dành cho Suriname của Toà trọng tài trong vụ *Guyana v Suriname* hoặc là hợp lý hơn cho trường hợp trước thời điểm hoạt động khoan của Guyana được tiến hành hoặc là không đủ để phản ứng lại sự cấp thiết của tình hình lúc đó. Điều này nói lên rằng, trước khi bất kỳ hoạt động đơn phương nào được tiến hành, cả 2 nghĩa vụ ở Điều 74(3) và 83(3) đều áp dụng đối với các bên liên quan, nhưng khi một bên tiến hành hoạt động đơn phương vi phạm quyền và lợi ích của bên còn lại trong khu vực tranh chấp, bên còn lại đó hoàn toàn có quyền hành động để bảo vệ lợi ích của mình. Việc một hoạt động thực thi pháp luật của một quốc gia vi phạm nghĩa vụ thứ 2 của Điều 74(3) và 83(3) Công ước Luật Biển 1982 hay không nên được đánh giá dựa trên cả quá trình, theo đó, cân nhắc cả thêm liệu quốc gia đó đã có nỗ lực giải quyết vấn đề trước khi bất kỳ hoạt động đơn phương được tiến hành hay chưa. Nếu một quốc gia đã thiện chí nỗ lực hết sức để giải quyết vấn đề bằng các biện pháp khác, và sau đó buộc phải sử dụng các biện pháp thực thi pháp luật, và trên thực tế có hệ quả gây phương hại hay cản trở việc đạt được thoả thuận cuối cùng, quốc gia đó không phải chịu trách nhiệm vì vi phạm nghĩa vụ theo Điều 74(3) và 83(3). Rõ ràng rằng, kết luận như vậy không nhằm mục đích khuyến nghị rằng quốc gia được tự do hành động một cách hung hăng đối với các hoạt động vi phạm quyền của quốc gia đó trong khu vực tranh chấp. Có ý kiến cho rằng “hoạt động thực thi pháp luật đối với tàu hay các đối tượng được cấp phép của bên còn lại chỉ

---

<sup>38</sup> Patricia Jimenez Kwast, *Maritime Law Enforcement and the Use of Force: Reflections on the Categorisation of Forcible Action at Sea in the Light of the Guyana/Suriname Award*, *Journal of Conflict & Security Law*, 13(1), 2008, 49.

<sup>39</sup> Irini Papanicolopulu, *Enforcement Action in Contested Waters: The Legal Regime* (Tài liệu trình

---

bày tại Hội nghị lần thứ 6 của IHO-IAG ABLOS: 'Contentious Issues in UNCLOS – Surely Not?', 2010), 4.

nên được xem xét với tư cách là biện pháp cuối cùng và nên được cho phép chỉ trong các trường hợp ngoại lệ, khi việc cân bằng giữa nhu cầu của quốc gia ven biển để bảo vệ quyền của quốc gia đó được đánh giá khách quan là rất cần thiết<sup>40</sup>. Trong vụ việc này, Toà đã kết luận Suriname vi phạm nghĩa vụ này khi lựa chọn “đe dọa giàn khoan” bằng vũ lực thay vì chấp nhận đề nghị đàm phán phút cuối của Guyana vài ngày trước khi giàn khoan đến địa điểm đặt giàn khoan. Như vậy, Toà đã xem xét hành vi của Suriname trước khi hoạt động đơn phương được thực hiện, và cho thấy Suriname chưa thể hiện thiện chí để giải quyết vấn đề giai đoạn trước, và do vậy, kết luận hành vi sau đó của Suriname vi phạm nghĩa vụ thứ hai theo Điều 74(3) và 83(3).

Như vậy, quốc gia ven biển có thể thực thi pháp luật để đối phó với hành vi vi phạm của bên tranh chấp còn lại với các điều kiện hết sức chặt chẽ. Cụ thể, từ thời điểm nhận thông tin một hoạt động đơn phương sắp được tiến hành cho tới thời điểm hoạt động đó thực sự được tiến hành, các quốc gia nên nỗ lực hết sức để ký kết thoả thuận tạm thời có tính thực tiễn để hợp tác trong vấn đề thực thi pháp luật, bao gồm cả vấn đề sử dụng vũ lực đối với tàu thuyền các bên liên quan, và nếu không đạt được kết quả, có thể sử dụng các biện pháp hoà bình giải quyết tranh chấp được quy định tại Phần XV Công ước Luật Biển 1982. Sau thời điểm bên còn lại bắt đầu tiến hành hoạt động đơn phương có tác động lâu dài đối với đáy biển và môi trường biển, một bên có quyền thực thi pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của quốc gia, bao gồm cả sử dụng vũ lực. Việc sử dụng vũ lực phải đáp ứng các nguyên tắc áp dụng đối với sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển nói chung như nguyên tắc về cơ sở pháp lý,

nguyên tắc không thể tránh khỏi, nguyên tắc hợp lý, nguyên tắc cần thiết và nguyên tắc tương xứng.

#### 4. Kết luận

Các khu vực biển chồng lấn là khu vực rất phức tạp, gây nhiều khó khăn thách thức cho lực lượng chấp pháp trong việc tiến hành các hoạt động thực thi pháp luật nói chung và sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển nói riêng. Trong vùng biển chồng lấn, ngoài các nguyên tắc điều chỉnh vấn đề sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển nói chung, việc sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trong vùng biển tranh chấp chịu sự điều chỉnh thêm của các quy tắc và quy định liên quan đến thẩm quyền của quốc gia đối với vùng biển chồng lấn.

Trên cơ sở các quy định của Công ước Luật Biển 1982 và đánh giá các án lệ có liên quan, lựa chọn tốt nhất và hoà bình nhất cho các quốc gia ven biển đó là cùng nỗ lực hết sức để ký kết thoả thuận tạm thời có tính thực tiễn để hợp tác trong vấn đề thực thi pháp luật, bao gồm cả vấn đề sử dụng vũ lực đối với tàu thuyền các bên liên quan. Đồng thời, các quốc gia cũng cần nỗ lực hết sức để không gây phương hại hay cản trở việc đạt được thoả thuận cuối cùng. Theo đó, không chủ động thực thi pháp luật nhằm thực thi luật và quy định của một quốc gia trong vùng biển chồng lấn, mà chỉ có thể thực thi pháp luật, trong đó có sử dụng vũ lực, trong trường hợp đối phó với hành vi vi phạm của bên có yêu sách chồng lấn còn lại với các điều kiện hết sức chặt chẽ. Việc sử dụng vũ lực phải đáp ứng các nguyên sử dụng vũ lực trong thực thi pháp luật trên biển nói chung như nguyên tắc về cơ sở pháp lý, nguyên tắc không thể tránh khỏi, nguyên tắc hợp lý, nguyên tắc cần thiết và nguyên tắc tương xứng phù hợp với luật pháp quốc tế.

<sup>40</sup> Irimi Papanicolopulu, *lđđđ*.